

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH A **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 11 – 2017.

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Cẩm M, địa chỉ: Ấp N, xã Thạnh H, huyện Phụng H, tỉnh G. (có mặt)
2. Bị đơn: Lê Thanh D, địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh X, huyện C, tỉnh G. (có mặt)
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Phụng H, tỉnh G. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm M trình bày: Chị và anh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào tháng 3/2017. Trong quá trình chung sống mẹ chồng có thành kiến với chị nên thường xuyên trách mắng, chia rẽ hai vợ chồng chị, chị kể lại cho anh D nghe thì anh D chửi chị, trong làm ăn anh D làm vừa rau cải không có lãi kêu chị bỏ tiền lương vào thêm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau về chuyện tiền bạc, sau khi kết hôn với anh D chị mang thai thì bị sảy thai anh D cũng không quan tâm chăm sóc chị từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị và anh D đã sống ly thân từ với nhau từ ngày 06/9/2017 đến nay, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh D nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày cưới mẹ ruột chị có cho riêng chị 10 chỉ vàng 24K, chị đã bán hết 03 chỉ vàng 24K để trả nợ cho anh D còn 07 chỉ vàng 24k còn lại chị đã chi xài sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình, chi phí chăm sóc nuôi dưỡng con riêng của anh D trước khi ly thân nên không còn vàng để chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của anh D.

Về nợ chung: Có nợ bà Nguyễn Thị Th mẹ ruột chị 17.000.000 đồng. Vợ chồng mượn tiền để làm vừa rau cải. Hiện anh D đang quản lý vừa rau cải nên chị yêu cầu anh D tự trả nợ cho mẹ chị.

Bị đơn anh Lê Thanh D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn. Còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị M có mâu thuẫn với anh và mẹ anh nên bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, khi về thì M đang có thai khoảng 10 tuần nhưng sau đó 4 ngày thì M cho anh hay con đã bị mất, anh có điện thoại qua hỏi thăm nhưng không gặp được M và do giận Mai nên anh không chạy qua nhà mẹ vợ để thăm M, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, từ ngày 06/9/2017 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, bản thân anh cũng không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng nên đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Cha mẹ hai bên có cho 20 chỉ vàng 24K. Sau khi kết hôn đã bán 13 chỉ vàng 24K để trả nợ cho vợ 20.000.000đồng và số tiền còn lại trả nợ cho anh. Hiện còn gửi mẹ vợ Nguyễn Thị Th 7 chỉ vàng 24K. Nay anh yêu cầu chia đôi mỗi người nhận 3,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Chị M trình bày cho rằng vợ chồng anh có mượn của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Th 17.000.000đồng để làm vừa rau, số tiền này anh không biết nên không đồng ý trả nợ cho bà Th.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2017, sau khi M và D kết hôn bà có cho M và D mượn tổng cộng 17.000.000đồng để làm ăn. Cụ thể ngày 01/7/2017 âm lịch bà đưa M và D 8.000.000đồng; Ngày 06/7/2017 âm lịch bà đưa thêm cho M 4.000.000 đồng; Ngày 13/7/2017 âm lịch bà đưa thêm 5.000.000đồng cho M. Khi cho mượn không có giấy tờ và không có ai chứng kiến. Đối với phần vàng D cho rằng là tài sản chung của vợ chồng M và D, khi cưới bà có tuyên bố cho riêng con gái bà 10 chỉ vàng 24K. Bà có nhận giữ dùm 07 chỉ vàng 24K nhưng đã trả lại cho M rồi, nay không còn giữ số vàng trên nên không đồng ý trả theo yêu cầu của D. Nay M và D ly hôn bà yêu cầu D trả lại cho bà số tiền 17.000.000đồng vì hiện tại vừa rau cải do D quản lý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm M trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thanh D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh D: Về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm M. Về tài sản chung: Rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là 07 chỉ vàng 24k. Về nợ chung: Không có vay số tiền 17.000.000đồng của bà Th nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Lê Thanh D trả số tiền vay là 17.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị Cẩm M và anh Lê Thanh D sau khi kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh D. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: giữa chị Phạm Thị Cẩm M và anh Lê Thanh D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân,, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 24/3/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị Mai cho rằng mẹ chồng có thành kiến với chị nên thường xuyên trách mắng, chia rẽ hai vợ chồng chị, chị kể lại cho anh D nghe thì anh D chửi chị, trong làm ăn anh D làm vừa rau cải không có lãi kêu chị bỏ tiền lương vào thêm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau về chuyện tiền bạc, sau khi kết hôn với anh D chị mang thai thì bị sảy thai anh D cũng không quan tâm chăm sóc chị, nay không còn tình cảm với anh D nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Về phía anh D thì cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M có mâu thuẫn với anh và mẹ chồng nên bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, khi về thì M đang có thai khoảng 10 tuần nhưng sau đó 4 ngày thì M cho anh hay con đã bị mất, do giận M nên anh không chạy qua nhà mẹ vợ để thăm và chăm sóc M, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên anh D đồng ý ly hôn với chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị M anh D thường bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại chị M và anh D đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị M và anh D đều xác định không còn tình cảm với nhau, không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng và thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị Cẩm M và anh Lê Thanh D.

[3] Về tài sản chung: tại phiên tòa anh Lê Thanh D xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là 07 chỉ vàng 24k, xét việc rút yêu cầu chia tài sản

chung của anh D là tự nguyện, không trái đạo đức và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Thanh D.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh Lê Thanh D trả số tiền vay 17.000.000đồng. Xét việc rút yêu cầu trả nợ vay của bà Th là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Cẩm M tự nguyện chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Cẩm M và anh Lê Thanh D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chấp nhận việc rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là 07 chỉ vàng 24k của anh Lê Thanh D. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Thanh D.

4. Về nợ chung: Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chấp nhận việc rút lại toàn bộ yêu cầu ông Lê Thanh D trả tiền vay 17.000.000đồng của bà Nguyễn Thị Th. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Cẩm M tự nguyện chịu 300.000đồng, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0011127 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Anh Lê Thanh D được nhận lại số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014406 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

7. Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại 425.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014411 ngày 31/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/11/2017.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương